

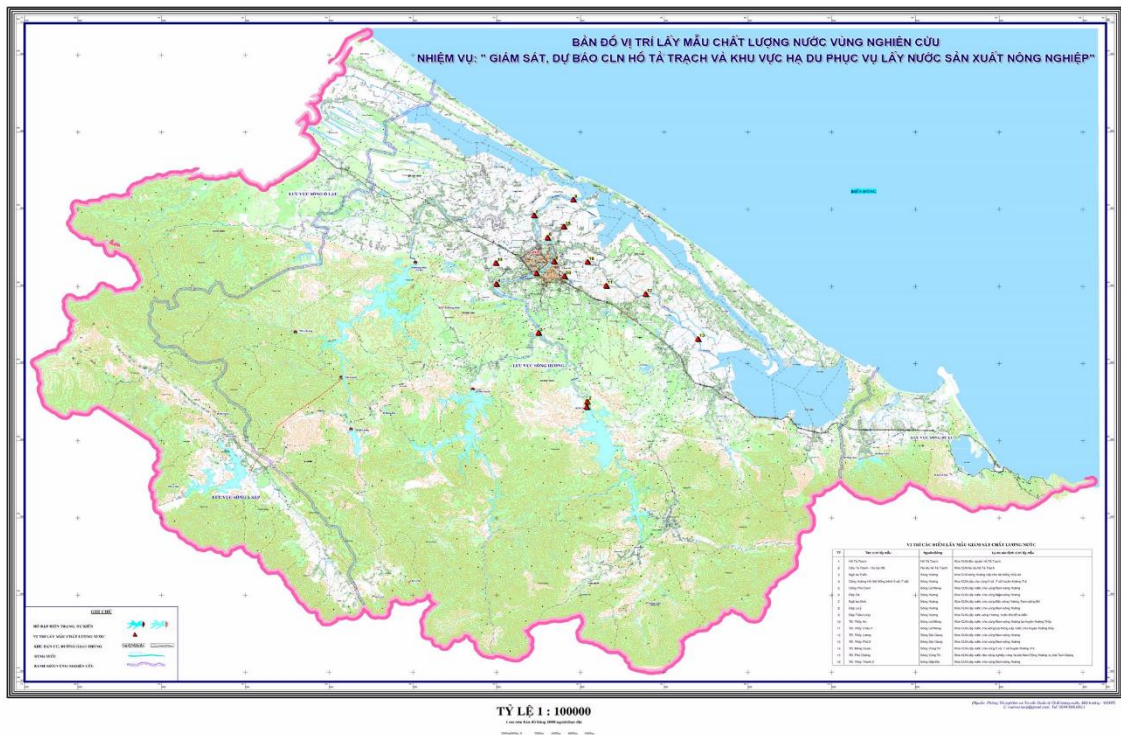
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023*”

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC KỲ 2

NGÀY LẤY MẪU: 14-15/02/2023

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 02/03/2023



Hệ thống thủy lợi Tả Trạch

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 3 năm 2023

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023*”

BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC KỲ 2

NGÀY LẤY MẪU: 14-15/02/2023

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH: 02/03/2023

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN
VIỆN TRƯỞNG**

Hoàng Ngọc Tuấn

Thông tin chung:

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023 được Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2023, có 11 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 15 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả quan trắc hiện trường và 01 bản tin kết quả quan trắc chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ www.cviwr.vn và được gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả phân tích chất lượng nước đợt 02 lấy mẫu ngày 14-15/2/2023, nội dung gồm: kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI và những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 3 năm 2023

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC KỲ 2

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 14-15/2/2023

3. Ngày cung cấp thông tin: 02/3/2023

Mô tả thời tiết lúc lấy mẫu: Trời mưa to

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

Người cung cấp thông tin: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

7. Vị trí lấy mẫu:

Bảng 1. Vị trí các điểm lấy mẫu giám sát chất lượng nước

STT	Tên vị trí	Tọa độ		Nguồn/sông	Mục đích lấy mẫu
		Vĩ độ N	Kinh độ E		
VT1	Hồ Tả Trạch	16°18'53.2"N	107°38'12.5"E	Hồ Tả Trạch	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT2	Trạm bơm La Chũ	16°29'20.6"N	107°30'59.9"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT3	Phía sau nhà máy dệt Thủy Dương (sông An Cựu)	16°26'57.3"N	107°37'16.2"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT4	Chợ An Cựu (sông An Cựu)	16°27'25.1"N	107°36'05.8"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT5	Cổng Phú Cam sông Lợi Nông (Cổng Thầy Niệm sông An Cựu)	16°27'21.5"N	107°35'38.2"E	Sông An Cựu	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT6	Đập đá sông Hương	16°28'24.0"N	107°35'42.5"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT7	Cầu Vực	16°25'33.66"N	107°39'14.0"E	Sông Lợi Nông	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT8	Đập Thảo Long	16°32'55.0"N	107°37'01.3"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh + Kiểm soát độ mặn
VT9	Trạm bơm Thủy Châu 1 sông Lợi Nông	16°26'40.6"N	107°39'09.3"E	Sông Lợi Nông	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT10	Trạm bơm Thủy Phù 2 sông Đại Giang	16°23'11.3"N	107°44'58.0"E	Sông Đại Giang	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh

STT	Tên vị trí	Tọa độ		Nguồn/sông	Mục đích lấy mẫu
		Vĩ độ N	Kinh độ E		
VT11	Trạm bơm Cổ Bưu kênh 5 xã, 7 xã sông Hương	16°28'28.5"N	107°31'53.6"E	Sông Hương	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT12	Trạm bơm Phú Dương sông Phở Lợi	16°30'46.5"N	107°36'32.8"E	Sông Phở Lợi	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT13	Trạm bơm Thủy Thanh 2 sông Như Ý	16°27'48.6"N	107°38'53.6"E	Sông Như Ý	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh
VT14	Cổng Quan sông Đại Giang	16°21'35.1"N	107°46'32.5"E	Sông Đại Giang	Kiểm soát độ mặn
VT15	Phía sau KCN Phú Bài	16°22'47.96"N	107°41'37.94"E	Sông Phú Bài	Phân tích các chỉ tiêu lý hóa và vi sinh

8. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc



Hình 1. Sơ đồ đường thẳng các vị trí quan trắc mẫu

9. Một số hình ảnh thông tin lúc lấy mẫu kỳ 2:



Hình 1. Cống Phú Cam



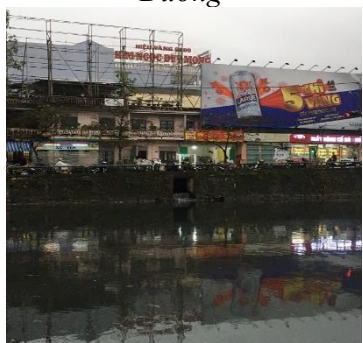
Hình 2. Phía sau NMD Thủy Dương



Hình 3. Cầu Vực



Hình 4. Chợ An Cựu



Hình 5. Xả thải ra chợ An Cựu



Hình 6. TB.Thủy Thanh

I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC HỒ TẢ TRẠCH VÀ KHU VỰC HẠ DU KỲ 2

a. Kết quả đo độ mặn (VT8, VT14) *Bảng 2. Kết quả đo độ mặn trung bình ngày*

TT	Độ mặn (‰)			
	VT8 16h30ph		VT14 9h30ph	
	Thượng lưu đập	Hạ lưu đập	Thượng lưu đập	Hạ lưu đập
Ngày 14/2	0	3,8	0	2,4

b. Kết quả quan trắc chất lượng nước hồ Tả Trạch và Khu vực hạ du kỳ 2

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước hồ Tả Trạch và khu vực hạ du và tính chỉ số chất lượng nước WQI

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm														Cột B1 QCVN08 MT:2015/ BTNMT
				(Test results)														
				VT1-02-3	VT2-02-3	VT3-02-3	VT4-02-3	VT5-02-3	VT6-02-3	VT7-02-3	VT8-02-3	VT9-02-3	VT10-02-3	VT11-02-3	VT12-02-3	VT13-02-3	VT15-02-3	
1	pH ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	TCVN 6492:2011	-	6,53	7,35	6,68	6,96	6,34	7,15	7,36	7,28	7,12	7,45	7,48	7,37	6,57	7,25	5,5-9
2	EC	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	166	132	235,3	74,7	143,8	154	160,6	184	112	120	130	108	114,3	118	
3	DO ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 7325:2004	mg/L	7,35	7,24	5,2	5	4	6,62	5,9	7,14	6,78	6,84	6,8	7,21	5,7	7,18	≥4
4	Clorua(Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6494-1:2011	mg/L	5,314	4,836	7,463	20,5	29,6	4,273	5,723	18,36	14,32	10,34	9,65	8,32	3,462	6,42	350
5	TSS ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6625:2000	mg/L	10,57	22,38	16,2	15,4	23,7	16,37	12,8	14,53	18,46	17,6	15,63	15,42	8,5	18,58	50
6	BOD ₅ ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6001-1:2008	mg/L	4,5	5,6	24,2	35,5	37,2	7,2	16,2	5,8	7,6	7,5	7,7	8,2	23,6	26,3	15
7	COD ⁽¹⁾	SMEWW 5220C:2012	mg/L	7	8	46	72	74	9	30,5	8	8	9	8	7	40,7	30	30
8	NO ₃ ⁻ -N ⁽¹⁾⁽²⁾	US EPA Method 352.1	mg/L	0,153	0,327	2,105	1,872	3,488	0,343	0,865	0,256	0,426	0,229	0,246	0,286	1,047	1,267	10

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm														Cột B1 QCVN08 MT:2015/ BTNMT
				(Test results)														
				VT1- 02-3	VT2- 02-3	VT3- 02-3	VT4- 02-3	VT5- 02-3	VT6- 02-3	VT7- 02-3	VT8- 02-3	VT9- 02-3	VT10- 02-3	VT11- 02-3	VT12- 02-3	VT13- 02-3	VT15- 02-3	
9	NH ₄ ⁺ -N ⁽¹⁾⁽²⁾	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,042	0,075	1,082	1,108	1,541	0,125	0,341	0,092	0,362	0,348	0,169	0,254	0,525	0,848	0,9
10	PO ₄ ³⁻ -P ⁽¹⁾	TCVN 6202:2008	mg/L	0,082	0,098	0,23	0,024	0,417	0,162	0,009	0,085	0,348	0,262	0,253	0,234	0,017	0,252	0,3
11	NO ₂ ⁻ -N ⁽¹⁾⁽²⁾	TCVN 6178:1996	mg/L	0,016	0,018	0,019	0,023	0,007	0,014	0,282	0,017	0,016	0,013	0,015	0,014	0,054	0,046	0,05
12	Tổng Coliform ⁽¹⁾	TCVN 6187- 2:1996	MPN/100mL	260	420	848	1439	2725	462	682	540	660	575	620	720	548	630	7500
13	Nhiệt độ		°C	24,2	24,2	23,5	23,5	24	24	24,5	23,8	24,3	24,3	24,2	23,8	24,3	24,5	
14	Độ đục		NTU	1,15	15,32	4,47	21,95	27,41	6,32	8,03	3,16	12,58	13,65	14,27	16,24	11,37	6,63	
WQI				96	91	83	72	69	90	83	90	89	91	89	92	83	84	

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC WQI

Bảng 4. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI

TT	VT lấy mẫu		WQI	Đánh giá	Màu thể hiện		Xếp loại
	VT	Địa điểm			Màu	Độ trong	
1	VT1	Hồ Tả Trạch	96	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
2	VT2	TB. La Chũ	91	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
3	VT3	Nhà máy dewatering Thủy Dương	83	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
4	VT4	Chợ An Cựu	72	Chất lượng nước trung bình, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Vàng		C
5	VT5	Công Phú Cam	69	Chất lượng nước trung bình, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Vàng		C
6	VT6	Đập Đá	90	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
7	VT7	Cầu Vực	83	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
8	VT8	Đập Thảo Long	90	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
9	VT9	Trạm bơm Thủy Châu 1	89	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
10	VT10	Trạm bơm Thủy Phù 2	91	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
11	VT11	Trạm bơm Cổ Bưu	89	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B

TT	VT lấy mẫu		WQI	Đánh giá	Màu thể hiện		Xếp loại
12	VT12	Trạm bơm Phú Dương	92	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh nước biển		A
13	VT13	Trạm bơm Thủy Thanh 2	83	Chất lượng nước tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B
14	VT15	KCN Phú Bài	84	Chất lượng nước rất tốt, đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN	Xanh lá cây		B

Ghi chú: Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

A- WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

B- WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

C- WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

D- WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

E- WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

G- WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH KỲ 2

Bảng 5. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo từng vị trí quan trắc

TT	Vị trí mẫu		Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
1	VT1	Hồ Tả Trạch	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
2	VT2	TB. La Chũ	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
3	VT3	NM. Dệt Thủy Dương	Các chỉ tiêu phân tích hầu hết đảm bảo giới hạn cho phép, có 03 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺	- Có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. - Nước bị ô nhiễm 03 chỉ tiêu BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ . Trong quá trình cấp nước cần giảm thiểu ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu cấp nước cho SXNN

TT	Vị trí mẫu		Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
4	VT4	Chợ An Cựu	Các chỉ tiêu phân tích hầu hết đảm bảo giới hạn cho phép, có 03 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺	- Chất lượng nước trung bình, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. - Nước bị ô nhiễm 03 chỉ tiêu BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ . Trong quá trình cấp nước cần giảm thiểu ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu cấp nước cho SXNN
5	VT5	Cổng Phú Cam (cổng Thầy Niệm)	Các chỉ tiêu phân tích hầu hết đảm bảo giới hạn cho phép, có 04 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻	- Chất lượng nước trung bình, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. - Nước bị ô nhiễm 04 chỉ tiêu BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ . Trong quá trình cấp nước cần giảm thiểu ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu cấp nước cho SXNN
6	VT6	Đập Đá	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
7	VT7	Cầu vược	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
8	VT8	Đập Thảo Long	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
9	VT9	Trạm bơm Thủy Châu 1	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
10	VT10	Trạm bơm Thủy Phù 2	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
11	VT11	Trạm bơm Cổ Bư	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
12	VT12	Trạm bơm Phú Dương	Các chỉ tiêu phân tích đảm bảo giới hạn cho phép	- Chất lượng nước tốt, có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
13	VT13	Trạm bơm Thủy Thanh 2	Các chỉ tiêu phân tích hầu hết đảm bảo giới hạn cho phép, có 02 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , COD	- Có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. - Nước bị ô nhiễm 02 chỉ tiêu BOD ₅ , COD. Trong quá trình cấp nước cần giảm thiểu ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu cấp nước cho SXNN

TT	Vị trí mẫu		Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
14	VT15	KCN Phú Bài	Các chỉ tiêu phân tích hầu hết đảm bảo giới hạn cho phép, có 02 chỉ tiêu vượt giới hạn cho phép là BOD ₅ , COD	- Có thể sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. - Nước bị ô nhiễm 02 chỉ tiêu BOD ₅ , COD. Trong quá trình cấp nước cần giảm thiểu ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu cấp nước cho SXNN

Ghi chú: QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

IV. DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Từ ngày 02/03/2023 đến ngày 09/03/2023

1. Thông tin chung

a. Đặc điểm khí tượng thủy văn và nguồn nước

Theo dự báo của Đài KTTV khu vực Trung Trung Bộ, trong tuần tới, nền nhiệt độ khu vực Thừa Thiên Huế khá mát mẻ, nhiệt độ toàn tỉnh dao động từ 16°C tới 28°C.

b. Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản

Hiện nay, trên địa bàn lúa đang trong giai đoạn đẻ nhánh, lên cây con.

c. Tình hình vận hành công trình thủy lợi

Hệ thống thủy lợi Tả Trạch đang vận hành theo đúng quy trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 1606/QĐ-TTg, ngày 13/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

d. Hiện trạng các công trình ngăn mặn

Trên hệ thống có 02 công trình ngăn mặn lớn là: Đập Thảo Long và công Quan.

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần tới

2.1. Cơ sở xây dựng phương án dự báo

Để dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần tới căn cứ theo các cơ sở sau:

- Kết quả thực địa lấy mẫu và phân tích các mẫu chất lượng nước tại các vị trí.
- Bộ mô hình thủy văn, thủy lực đã được hiệu chỉnh, kiểm định và đã được cập nhật mới nhất cho lưu vực sông Hương.

- Số liệu khí tượng, thủy văn dự báo

- Số liệu lưu lượng xả của các hồ thủy điện làm biên đầu vào của mô hình: căn cứ theo QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Hương ban hành theo Quyết định số 1606/QĐ-TTg, ngày 13/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ và số liệu vận hành thực tế của các nhà máy thủy điện được công bố trên trang web của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thừa Thiên Huế.


2.2. Cơ sở dữ liệu phục vụ tính toán

- Mạng lưới sông Hương đưa vào tính toán như Hình 1.
- Mục nước vận hành các hồ thủy điện như sau:

Bảng 6. Khoảng mực nước điều hành các hồ


Khoảng thời gian		Khoảng mực nước (m)					
(ngày/tháng)		Tả Trạch		Bình Điền		Hương Điền	
Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
01/03	10/03	37	38,4	75,8	78	52	53,5

- Quy định vận hành của các hồ Tả Trạch, Hương Điền, Bình Điền như sau:

 Vận hành hồ Tả Trạch:


Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Bảng 6:
 - a) Không nhỏ hơn $15\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;
 - b) Không nhỏ hơn $20\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.
2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Bảng 6:
 - a) Từ $12\text{m}^3/\text{s}$ đến $15\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;
 - b) Từ $15\text{m}^3/\text{s}$ đến $20\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.
3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Bảng 6:
 - a) Từ $10\text{m}^3/\text{s}$ đến $12\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;
 - b) Từ $12\text{m}^3/\text{s}$ đến $15\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.

 Vận hành hồ Bình Điền

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Bảng 6
 - a) Không nhỏ hơn $12\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;
 - b) Không nhỏ hơn $15\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.
2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Bảng 6:
 - a) Từ $10\text{m}^3/\text{s}$ đến $12\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;
 - b) Từ $12\text{m}^3/\text{s}$ đến $15\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.
3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Bảng 6:
 - a) Từ $8\text{m}^3/\text{s}$ đến $10\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;
 - b) Từ $10\text{m}^3/\text{s}$ đến $12\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.

 Vận hành hồ Hương Điền

Hàng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Bảng 6:
 - a) Không nhỏ hơn $15\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;
 - b) Không nhỏ hơn $20\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.
2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Bảng 6:
 - a) Từ $12\text{m}^3/\text{s}$ đến $15\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;
 - b) Từ $15\text{m}^3/\text{s}$ đến $20\text{m}^3/\text{s}$ đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.
3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Bảng 6:

a) Từ 10m³/s đến 12m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước bình thường;

b) Từ 12m³/s đến 15m³/s đối với thời kỳ sử dụng nước gia tăng.

2.3. Kết quả dự báo chất lượng nước trung bình (tại các vị trí)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị (Unit)	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT6	VT7
1	DO	mg/L	6,32	6,05	5,14	4,86	4,29	6,51	5,71
2	BOD ₅	mg/L	3,86	6,48	20,76	20,95	24,48	7,05	14,67
3	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,10	0,16	0,88	0,82	0,92	0,12	0,51

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị (Unit)	VT8	VT9	VT10	VT11	VT12	VT13	VT15
1	DO	mg/L	5,90	6,19	6,54	6,10	6,84	6,48	5,71
2	BOD ₅	mg/L	9,33	7,81	7,05	6,86	7,62	8,19	5,52
3	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,25	0,34	0,31	0,15	0,24	0,31	1,35

Nhận xét:

Với kết quả dự báo chất lượng nước trung bình của 3 chỉ tiêu tại các vị trí như trên cho thấy: trong kỳ tới, chất lượng nước trên hệ thống đảm bảo sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên có 03/14 vị trí tại VT3, VT4, VT5 có chỉ tiêu BOD₅ vượt giới hạn cho phép, 02/14 vị trí tại VT5, VT15 có chỉ tiêu NH₄⁺ vượt giới hạn cho phép. Các trạm bơm hoạt động bình thường theo lịch trình đã định.

IV. KẾT LUẬN

- Lúa trong khu vực hiện đang trong giai đoạn đẻ nhánh, lên cây con.

- Theo số liệu quan trắc chất lượng nước ngày 14/2/2023 nhận thấy: Chất lượng nước tại hầu hết các vị trí quan trắc đều tốt và đảm bảo yêu cầu cấp nước cho SXNN, chỉ riêng các vị trí Nhà máy dệt Thủy Dương (VT3), chợ An Cựu (VT4), Công Phú Cam (VT5), Trạm bơm Thủy Thanh (VT13), KCN Phú Bài (VT15) có các chỉ tiêu BOD₅, COD, NH₄⁺, PO₄³⁻ vượt giới hạn cho phép do tại thời điểm lấy mẫu ở Thừa Thiên Huế có đợt không khí lạnh tràn về gây mưa lớn dẫn đến có hiện tượng xả thải ra khu công nghiệp, chợ, khu dân cư. Do đó trong quá trình lấy nước từ các vị trí trên để cấp nước cho SXNN cần có các biện pháp xử lý giảm thiểu ô nhiễm đồng thời cần có biện pháp giám sát chặt chẽ nguồn nước xả thải từ các nhà máy, nước thải sinh hoạt, chăn nuôi để hạn chế ô nhiễm nguồn nước.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 3 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn